

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

Số: /2020/NQ-HĐND
(Dự thảo 1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hậu Giang, ngày tháng năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Quy định chế độ chi tiêu hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 19

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 815/QĐ-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đính chính lỗi kỹ thuật tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật.

Theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết quy định chế độ chi tiêu hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định mức chi xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

b) Điều chỉnh, bổ sung chế độ sử dụng điện thoại di động, cố định đối với Lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội tỉnh;

c) Quy định chế độ đối với Vận động viên và Mức hỗ trợ cho kế toán thực hiện công việc kiêm nhiệm kế toán liên trường, liên ngành;

2. Đối tượng áp dụng

a) Các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. Cơ quan nhà nước khi xây dựng tiêu chuẩn cơ sở để áp dụng trong hoạt động của cơ quan, đơn vị mình.

b) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;

c) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Vận động viên của tỉnh;

Điều 2. Nội dung chi và mức chi

1. Quy định mức chi xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; (Đính kèm phụ lục số 01);

2. Điều chỉnh, bổ sung chế độ sử dụng điện thoại di động, cố định đối với Lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội tỉnh; (Đính kèm phụ lục số 02).

3. Quy định chế độ đối với Vận động viên và Mức hỗ trợ cho kế toán thực hiện công việc kiêm nhiệm kế toán liên trường, liên ngành; (Đính kèm phụ lục số 03).

4. Ngoài chế độ chi tiêu trên thực hiện theo các quy định của Trung ương và địa phương đã ban hành.

5. Bãi bỏ Phụ lục số 4 tại Tờ trình số 37/TTr-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc đề nghị ban hành chế độ chi tiêu hành chính, sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang được thống nhất tại Nghị quyết số 08/2005/NQ-HĐND ngày 15/12/2005 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chế độ chi tiêu hành chính, sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

6. Bổ sung điểm 2.4 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung, mức chi chế độ hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang: Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định hiện hành của địa phương. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Quy định mức chi xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

Chi từ nguồn dự toán chi thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị, nguồn kinh phí khác và theo phân cấp ngân sách.

2. Điều chỉnh, bổ sung chế độ sử dụng điện thoại di động, cố định đối với Lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội tỉnh.

Chi từ nguồn dự toán chi thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị; nguồn kinh phí khác và theo phân cấp ngân sách.

3. Quy định chế độ đối với Vận động viên.

Chi từ nguồn sự nghiệp thể dục, thể thao cấp tỉnh

4. Quy định mức hỗ trợ cho kế toán thực hiện công việc kiêm nhiệm kế toán liên trường, liên ngành.

Chi từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo phân cấp ngân sách.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa IX, kỳ họp lần thứ mười chín thông qua ngày tháng năm 2020 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2020./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN-TP. HCM);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Đánh giá tác động của chính sách chế độ sử dụng điện thoại di động, cố định đối với Lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội tỉnh; Chế độ đối với Vận động viên và Mức hỗ trợ cho kế toán thực hiện công việc kiêm nhiệm kế toán liên trường, liên ngành trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẤP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

- Để thu hút nguồn nhân lực, động viên Vận động viên thể thao phát huy tài năng trong lĩnh vực Thể dục thể thao thì địa phương cần có chính sách đặc thù của Tỉnh để thu hút và giữ chân vận động viên có năng khiếu cho Tỉnh. Do khi vận động viên có năng lực của địa phương khi tập chung cho đội tuyển quốc gia thì chỉ hưởng chế độ của đội tuyển quốc gia hỗ trợ, tỉnh không có chế độ đãi ngộ để thu hút vận động viên trở về tỉnh phục vụ khi hết thời gian tập chung cho tuyển quốc gia, các tỉnh bạn lại có chế độ đãi ngộ, dẫn đến vận động viên có xu hướng muốn rời địa phương để đầu quân nơi có chế độ đãi ngộ cao hơn.

- Theo Quyết định số 68/2005/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc ban hành chế độ chi tiêu hành chính, sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang chưa quy định đối tượng được hưởng mức khoán sử dụng điện thoại hàng tháng, do một số cơ quan thành lập sau năm 2005 và bãi bỏ một số nội dung không còn phù hợp. Một số đơn vị sáp nhập, giải thể và một số đơn vị sự nghiệp được quy định cho phép quyết định mức chi (Chi cục quản lý thị trường hiện nay thuộc Cục quản lý thị trường; Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội sáp nhập về đơn vị chủ quản...).

- Tỉnh Hậu Giang chuẩn bị phê duyệt Đề án bố trí kế toán và y tế trường học bố trí khoảng 60 kế toán kiêm nhiệm, liên trường và thực tế một số địa phương đã phân công kế toán kiêm kế toán đơn vị khác, mức hỗ trợ chưa có quy định nên cần quy định mức hỗ trợ cho kế toán thực hiện công việc kiêm nhiệm kế toán liên trường, liên ngành.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Cụ thể hóa các quy định thống nhất, đồng bộ các nội dung, định mức hỗ trợ liên quan đến chi hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH

1. Xác định vấn đề bất cập

- Một vận động viên tập trung đội tuyển quốc gia tham dự các giải thể thao thành tích cao, phải trải qua quá trình khổ luyện, phấn đấu không ngừng, nhưng khi hết độ tuổi để thi đấu thì chưa có chính sách hỗ trợ theo quy định, vận động viên tại các tỉnh, thành phố lớn thì có thêm nguồn tài trợ, còn với các vận động viên tại đơn vị sự nghiệp của tỉnh nhà thì ngoài chính sách chế độ dinh dưỡng không có nguồn thu nhập khác, nên việc xây dựng đài ngộ cho vận động viên là vấn đề rất cần thiết.

- Một số đơn vị giải thể nhưng còn quy định mức hỗ trợ điện thoại; trong khi đó một số đơn vị mới được thành lập thì chưa có được quy định.

- Một kế toán kiêm công việc kế toán liên trường và thực tế một số địa phương đã phân công kế toán kiêm kế toán đơn vị khác, mức hỗ trợ chưa có quy định nên cần quy định mức hỗ trợ cho kế toán thực hiện công việc kiêm nhiệm kế toán liên trường, liên ngành

2. Mục tiêu của vấn đề

Cụ thể hóa các quy định và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương và cần thiết; Đảm bảo các chế độ chi đúng người, đúng đối tượng tạo sự công bằng trọng thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Trình ban hành chính sách chế độ sử dụng điện thoại di động, cố định đối với Lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội tỉnh; Chế độ đối với Vận động viên và Mức hỗ trợ cho kế toán thực hiện công việc kiêm nhiệm kế toán liên trường, liên ngành

4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

Điều chỉnh theo quy định cho phép, tạo thêm động lực khuyến khích tinh thần cho cá nhân yên tâm phục vụ cho địa phương. Ngoài ra, tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị trong việc thu hút tài năng để phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị của ngành.

- *Tác động về giới của chính sách:* Việc điều chỉnh định mức không phân biệt về quyền, nghĩa vụ và lợi ích giữa các giới.

- *Tác động thủ tục hành chính của chính sách:* Không phát sinh thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật của chính sách:* Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp theo quy định và không làm ảnh hưởng đến bộ máy nhà nước.

5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trình UBND tỉnh thống nhất trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép xây dựng Nghị quyết quy định chính sách chế độ sử dụng điện thoại di động, cố định đối với Lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội tỉnh; Chế độ đối với Vận động viên và Mức hỗ trợ cho kế toán thực hiện công việc kiêm nhiệm kế toán liên trường, liên ngành trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

III. LẤY Ý KIẾN

Dự thảo văn bản đánh giá tác động được lấy ý kiến như sau:

- Dự thảo được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời gian 30 ngày để các cá nhân tổ chức góp ý rộng rãi.

- Lấy ý kiến các sở, ngành qua văn bản góp ý, các cuộc họp theo chỉ đạo của Lãnh đạo UBND tỉnh.

- Dự kiến nguồn lực thực hiện chính sách:

+ Chế độ đối với Vận động viên: Ước ngân sách đảm bảo khoảng 330.000.000 đồng/năm

+ Mức hỗ trợ cho kế toán thực hiện công việc kiêm nhiệm kế toán liên trường, liên ngành: Ước ngân sách đảm bảo khoảng 810.000.000 đồng/năm và mức này tăng lên hàng năm theo số lượng thực hiện công tác kế toán liên trường, liên ngành.

+ Đối với chế độ sử dụng điện thoại không làm phát sinh thêm nguồn kinh phí ngân sách phải đảm bảo.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách, đồng thời theo dõi, đánh giá hiệu quả, báo cáo UBND tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện chính sách.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động của Quy định chế độ sử dụng điện thoại di động, cố định đối với Lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội tỉnh; Quy định chế độ đối với Vận động viên của tỉnh và Mức hỗ trợ cho kế toán thực hiện công việc kiêm nhiệm kế toán liên trường, liên ngành./.

Phụ lục số 02

Quy định chế độ sử dụng điện thoại di động, cố định công vụ tại nhà riêng đối với Lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội tỉnh trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

1. Đối tượng được trang bị điện thoại di động, điện thoại cố định công vụ tại nhà riêng và mức cước phí thanh toán

a) Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND và Chủ tịch UBND tỉnh:

Mức cước phí thanh toán được khoán sử dụng hàng tháng là 500.000 đồng/người/tháng đối với điện thoại di động và 300.000 đồng/người/tháng đối với điện thoại cố định.

b) Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh:

Mức cước phí thanh toán được khoán sử dụng hàng tháng là 400.000 đồng/người/tháng đối với điện thoại di động và 200.000 đồng/người/tháng đối với điện thoại cố định.

c) Các đối tượng được hưởng mức cước phí thanh toán được khoán sử dụng hàng tháng là 250.000 đồng/người/tháng đối với điện thoại di động và 100.000 đồng/người/tháng đối với điện thoại cố định, bao gồm:

- Trưởng các Ban Đảng cấp tỉnh, Bí thư, Phó bí thư thành ủy, thị xã ủy, huyện ủy, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Bí thư Đảng ủy khối các cơ quan và doanh nghiệp;

- Trưởng các Ban của HĐND tỉnh, Chủ tịch HĐND các huyện, thị xã, thành phố.

- Chủ tịch UBMT Tổ quốc, Chủ tịch Hội Nông dân, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ, Bí thư Tỉnh đoàn, Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị, Chủ tịch Hội Chữ Thập đỏ, Chủ tịch Hội Liên Minh các HTX (cấp tỉnh).

- Giám đốc Sở, Trưởng ban ngành tỉnh, Chánh Văn phòng UBND, HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố.

2. Đối tượng được trang bị điện thoại cố định tại nhà riêng và được hỗ trợ mức cước phí thanh toán điện thoại

a) Phó Trưởng các Ban Đảng cấp tỉnh, Thư ký Bí thư Tỉnh ủy, Thư ký Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Các Phó Chủ tịch UBMT Tổ quốc, Phó bí thư Đảng ủy khối các cơ quan và doanh nghiệp, Phó Chủ tịch Hội Nông dân, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ, Phó bí thư Tỉnh đoàn, Phó Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị, Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật, Chủ tịch Hội Nhà báo, Chủ tịch Hội bảo trợ người khuyết tật - Trẻ mồ côi - Bệnh nhân nghèo; Chủ tịch Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin, Chủ tịch Hội luật gia, Chủ tịch Hội Khuyến học, Chủ tịch Hội người mù, **Chủ tịch Hội Người cao tuổi**, Chủ tịch Hội cựu Thanh niên xung phong, Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật (**cấp tỉnh**).

c) Phó Giám đốc Sở, Phó Văn phòng UBND, HĐND, Phó Thủ trưởng các Ban, ngành tỉnh, Phó Trưởng ban HĐND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND các huyện và thị xã, Phó Chủ tịch HĐND huyện, thị xã, thành phố, ủy viên thường vụ huyện, thị xã ủy, thành ủy.

Mức cước phí thanh toán được khoán sử dụng hàng tháng là 200.000 đồng/người/tháng.

3. Đối tượng được trang bị điện thoại cố định và được hỗ trợ mức cước phí thanh toán điện thoại

a) Chánh Văn phòng Huyện ủy, thị xã ủy, thành ủy, HĐND huyện, thị xã, UBND các huyện, thị xã, thành phố; trưởng các ban HĐND.

Mức cước phí thanh toán được khoán sử dụng hàng tháng là 100.000 đồng/người/tháng.

4. Đối tượng được trang bị điện thoại di động và mức cước phí thanh toán

- Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai tìm kiếm cứu nạn.

- Đội trưởng Đội Phòng chống tệ nạn xã hội tỉnh; Trưởng kiểm lâm, Phó kiểm lâm.

Mức cước phí thanh toán được khoán sử dụng hàng tháng là 200.000 đồng/người/tháng.

5. Chi phí mua máy mới điện thoại và chi phí lắp đặt

a) Đối với điện thoại cố định:

- Chi phí mua máy: không quá 300.000 đồng/máy

- Chi phí lắp đặt: theo hợp đồng với cơ quan cung cấp dịch vụ.

b) Đối với điện thoại di động:

- Chi phí mua máy: không quá 3.000.000 đồng/máy

- Chi phí lắp đặt: theo hợp đồng với cơ quan cung cấp dịch vụ

Các đối tượng được trang bị điện thoại (cố định tại nhà riêng và di động) khi đảm nhận công tác mới không thuộc diện được trang bị điện thoại hoặc có quyết định nghỉ hưu, nghỉ công tác nếu có nhu cầu tiếp tục sử dụng thì phải làm thủ tục chuyển hợp đồng sử dụng điện thoại về gia đình để tự thanh toán cước phí. Riêng đối tượng tại điểm a, b khoản 1 trên đây được tiếp tục thanh toán cước phí sử dụng điện thoại cố định trong thời gian 03 tháng kể từ ngày có quyết định nghỉ hưu, nghỉ công tác.

Trường hợp các đối tượng được trang bị điện thoại mà kiêm nhiệm công tác khác thì đơn vị trả lương trực tiếp có trách nhiệm thanh toán chế độ điện thoại.

6. Trường hợp các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng chính phủ có quy định hướng dẫn riêng về chế độ sử dụng điện thoại di động, cố định công vụ tại nhà riêng thì áp dụng thực hiện theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng hoặc văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền ở Trung ương.

Phụ lục số 03

Quy định chế độ đặc thù đối với Vận động viên và Mức hỗ trợ cho kế toán thực hiện công việc kiêm nhiệm kế toán liên trường, liên ngành trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

I. Chế độ đối với Vận động viên

Chế độ hỗ trợ cho vận động viên của tỉnh khi được triệu tập tại các đội tuyển quốc gia, thời gian hưởng theo quyết định triệu tập:

- Vận động viên được tập trung đội tuyển trẻ quốc gia được hưởng 2.500.000 đồng/người/tháng.

- Vận động viên được tập trung đội tuyển quốc gia được hưởng 3.000.000 đồng/người/tháng.

II. Mức hỗ trợ cho kế toán thực hiện công việc kiêm kế toán liên trường, liên ngành

- Kế toán thực hiện công việc kế toán kiêm liên trường, liên ngành (cơ quan cấp có thẩm quyền giao biên chế của tổng các đơn vị) ≤ 20 biên chế, thì mức hỗ trợ: 1.000.000 đồng/tháng.

- Kế toán thực hiện công việc kế toán kiêm liên trường, liên ngành (cơ quan cấp có thẩm quyền giao biên chế của tổng các đơn vị) ≥ 20 biên chế, thì mức hỗ trợ: 1.500.000 đồng/tháng.

Phụ lục số 01

Quy định mức chi xây dựng tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) và quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCĐP) trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

1. Chi công lao động thuê ngoài đối với cán bộ, chuyên gia trực tiếp xây dựng dự thảo TCCS, QCĐP (nếu có): Mức chi 15.000.000 đồng/01 dự thảo đối với TCVN, QCKT không cần phải khảo sát, khảo nghiệm; mức chi 30.000.000 đồng/01 dự thảo đối với TCCS, QCĐP cần phải khảo sát, khảo nghiệm;

2. Chi lập dự án TCCS, QCĐP trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức chi 1.000.000 đồng/01 dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

3. Chi thuê chuyên gia trong nước: Áp dụng định mức chi quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia trong nước không vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí của dự án xây dựng TCCS, QCĐP (không bao gồm chi thuê chuyên gia trong nước);

4. Chi thuê chuyên gia nước ngoài: Trong trường hợp phát sinh nhu cầu thuê chuyên gia nước ngoài, đơn vị căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia. Tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia nước ngoài không vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí của dự án xây dựng TCCS, QCĐP (không bao gồm chi thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài);

5. Chi lấy ý kiến nhận xét của thành viên Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), Ban biên soạn hoặc tổ biên soạn xây dựng TCVN, của các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo TCCS, QCĐP: Mức chi 350.000 đồng cho một thành viên đối với mỗi dự thảo TCCS, QCĐP;

6. Chi tổ chức các cuộc họp Ban kỹ thuật TCCS, Ban biên soạn hoặc tổ biên soạn xây dựng TCCS:

- Trưởng ban: Mức chi 110.000 đồng/người/buổi.

- Các thành viên Ban kỹ thuật: Mức chi 70.000 đồng/người/buổi.

7. Chi tổ chức hội thảo khoa học, hội nghị chuyên đề, tham gia góp ý cho dự thảo TCCS, QCĐP, mức chi như sau:

- Chủ trì cuộc họp: Mức chi 420.000 đồng/người/buổi.

- Các thành viên tham dự: Mức chi 70.000 đồng/người/buổi.

8. Chi nhận xét đánh giá phản biện hoặc thẩm tra hoặc thẩm định của thành viên Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định đối với dự thảo TCCS, QCĐP: Mức chi 350.000 đồng/01 báo cáo phản biện hoặc báo cáo thẩm tra hoặc báo cáo thẩm định.

9. Chi họp hội đồng thẩm tra, thẩm định dự thảo TCCS, QCĐP, mức chi được quy định như sau:

- Chủ tịch Hội đồng: Mức chi 700.000 đồng/người/buổi.
- Các thành viên Hội đồng: Mức chi 350.000 đồng/người/buổi.

10. Ngoài những mức chi mức chi xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quy định nêu trên, những mức chi khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản quy định tại địa phương. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.